

QUYỀN HƯỞNG DỤNG CỦA CỘNG ĐỒNG TỪ GÓC NHÌN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM NĂM 2015 – KINH NGHIỆM PHÁP LUẬT CỦA HOA KỲ, PHẦN LAN VÀ NA UY

NGUYỄN HỒ BÍCH HẰNG

Nghiên cứu sinh hậu tiến sĩ Khoa luật trường ĐH Đông Phần Lan
Postdoctoral Researcher Law School, University of Eastern Finland
Email: nhbhang@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam đã có sự tiến bộ trong việc ghi nhận các quy định pháp luật về quyền hưởng dụng, mặc dù vậy quyền hưởng dụng này vẫn được hiểu là quyền áp dụng cho cá nhân, tổ chức. Bài viết này phân tích quy định pháp luật về quyền hưởng dụng theo pháp luật của Hoa Kỳ, Phần Lan và Na Uy đối với các tộc người bản địa ở các nước này, trên cơ sở đó nhìn nhận lại các quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành của Việt Nam về vấn đề này.

Từ khóa: quyền hưởng dụng, Bộ luật Dân sự năm 2015, người bản địa, Sámi, Phần Lan, Na Uy, Ojibwe, Hoa Kỳ

Abstract

Vietnam's 2015 Civil Code has made process in recognizing usufruct rights regulations, although these rights are understood as rights applicable to individuals and organizations. This article analyzes the legal provisions on usufruct rights under the laws of the United States, Finland, and Norway for indigenous people in these countries. On that ground, the author reviews the provisions of Vietnam's current Civil Code on this issue.

Keywords: usufruct right, 2015 Civil Code, indigenous people, Sámi, Finland, Norway, Ojibwe, United States

Ngày nhận bài: 17/10/2023

Ngày duyệt đăng: 15/02/2024

Quyền hưởng dụng được Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 quy định, theo đó chủ thể được khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác trong một thời hạn nhất định.¹ Quyền hưởng dụng theo quy định của BLDS hiện hành là quyền được áp dụng cho cá nhân, pháp nhân trong một thời hạn nhất định và người hưởng dụng được thực hiện một số quyền năng nhất định đối với tài sản hưởng dụng trong thời hạn này. Mặc dù vậy, theo pháp luật một số nước như Hoa Kỳ, Phần Lan, Na Uy thì quyền hưởng dụng được hiểu ở hai góc độ: (i) là quyền năng của một chủ thể nhất định như cách quy định của BLDS Việt Nam hiện hành; và (ii) là quyền của một cộng đồng người/sắc tộc người bản địa nhất định đối với các nguồn tài nguyên như đất, rừng, sông, nước thông qua một số quyền năng như đánh bắt cá, săn bắn, hái lượm...

Trong bài viết này, tác giả giới thiệu quy định pháp luật của các nước nêu trên về việc áp dụng các quy định về quyền hưởng dụng (*usufruct right*)

¹ Điều 257 BLDS năm 2015.

đối với các nhóm dân tộc bản địa như một trong những cách ghi nhận “không gian sinh tồn” hoặc “không gian tự nhiên” (*space of nature*)² của những nhóm người bản địa này. Trên cơ sở đó, các quy định của BLDS năm 2015 của Việt Nam về quyền hưởng dụng sẽ được phân tích nhằm xem xét liệu rằng có nên mở rộng các quy định về quyền hưởng dụng để áp dụng đối với cộng đồng hay không.

1. Quyền hưởng dụng của tộc người Ojibwe (Chippewa) – Hoa Kỳ

Người Ojibwe sống ở phía Bắc bang Michigan, Wisconsin và Minnesota theo lối sống bán du mục (*seminomadic life*) chú trọng đánh bắt cá, săn bắn, thu hoạch cây dại theo mùa. Tòa án tối cao của Hoa Kỳ vào năm 1999 đã ra quyết định liên quan đến quyền hưởng dụng của tộc người Ojibwe (Chippewa)³ đối với vùng nhượng địa (*ceded*) cho Chính phủ Liên bang theo Hiệp ước St. Peters được ký kết giữa Chính phủ Liên bang và người thổ dân Ojibwe vào năm 1837.⁴ Khi thỏa thuận để ký kết Hiệp ước St. Peters, người Ojibwe đã nhượng lại vùng đất được nêu trong hiệp ước với một số tiền nhất định,⁵ đồng thời họ yêu cầu giữ lại các quyền hưởng dụng theo tập quán, đó là săn bắn, đánh bắt cá và hái lượm sản vật trên đất. Kết quả là theo Điều 5 Hiệp ước St. Peters thì tộc người Ojibwe có quyền săn bắn, bắt cá và thu hoạch lúa hoang trên đất, sông và hồ trong vùng nhượng địa.⁶

Chính quyền các bang Michigan, Minnesota và Wisconsin – vốn dĩ được thành lập từ các vùng nhượng địa (bao gồm cả những vùng nhượng địa có nguồn gốc từ Hiệp ước St. Peters) – không quan tâm đến các quyền này của tộc người Ojibwe như đã cam kết trong Hiệp ước St. Peters. Trong thời gian từ những năm 1960-1990, nhiều nhóm người Ojibwe đã nỗ lực giành lại quyền đánh bắt cá tại vùng Đại Hồ (*Great Lakes*) trên cơ sở quyền hưởng dụng được ghi nhận tại Hiệp ước. Trong khoảng thời gian đó, nhiều thành viên của tộc Ojibwe đã bị bắt khi đánh cá ở những vùng nhượng địa này. Trong khi đó, các bang đã ban hành và thực thi các quy định và luật nhằm bảo tồn tài nguyên thiên nhiên ở một số khu

2 Joshua L. Reid, “Replacing Rights with Indigenous Relationality to Reclaim Homelands”, In *Bridging Cultural Concepts of Nature: Indigenous People and Protected Spaces of Nature*, Rani-Henrik Andersson (cb), Boyd Cothran and Saara Kekki, tr. 261-306.

3 Trước đây Ojibwe có tên địa phương là “Anishinabe” có nghĩa là người đầu tiên, người bản xứ được ghép từ 2 chữ *anic: first, nabe: man*. Mặc dù vậy, tên gọi Ojibwe được các tộc người khác sử dụng như 1 từ miêu tả, sau đó gọi trại đi trong tiếng Anh là Chippewa. Tên gọi này được sử dụng rộng rãi như ngày nay. Xem thêm: Carrie A. Lyford, *The Crafts of the Ojibwa*, Chippewa, 1942, tr. 12.

4 Vụ kiện giữa *Minnesota v. Mille Lacs Band of Chippewa Indians*, 526 U.S. 172 (1999).

5 Điều 2, Hiệp ước St. Peters.

6 Steven Silvern, “Reordering the Geography of Indian Country: Historical Geographies of Removal, Reservations and Ammisation” trong Craig E. Colten và Geoffrey L. Buckley (cb), *North American Odyssey Historical Geographies for the Twenty-first Century*, 2013, tr. 73.

vực, trong số đó bao gồm cả khu vực thuộc vùng nhượng địa trước đây. Điều này dẫn tới những tranh chấp pháp lý giữa các bang và những cộng đồng người da đỏ. Phán quyết của Tòa án tối cao Hoa Kỳ năm 1999 đã công nhận quyền hưởng dụng của tộc người Ojibwe trong việc được tiếp tục đánh bắt cá, săn bắn và thu hoạch lúa hoang ở ba bang Michigan, Minnesota và Wisconsin theo như thỏa thuận từ Hiệp ước St. Peters.⁷

Trước đó, vào năm 1994, Tòa án của bang Minnesota cũng đưa ra phán quyết tương tự. Trong vụ việc *Mille Lacs Bands of Chippewa Indians với bang Minnesota*, các nguyên đơn cho rằng bang Minnesota đã thông qua và thực thi các luật và quy định về tài nguyên thiên nhiên ở vùng nhượng địa theo Hiệp ước St. Peters, các luật và quy định của bang Minnesota đã vi phạm đặc quyền săn bắn, đánh cá và hái lượm trên các vùng đất, sông và hồ thuộc vùng nhượng địa được ghi nhận tại Điều 5, Hiệp ước St. Peters.⁸

Nguyên đơn cho rằng truyền thống săn bắn, đánh cá và hái lượm được truyền dạy bởi cha mẹ và ông bà mình. Đồng thời, nguyên đơn cũng chứng minh được tầm quan trọng của những hoạt động này trong đời sống thường ngày của họ. Cụ thể, hoạt động này là phương tiện kiếm sống chủ yếu của những người da đỏ và có mối liên hệ với các nghi lễ và tôn giáo của tộc người này.⁹ Trên cơ sở những chứng cứ chứng minh từ phía nguyên đơn, Tòa án tối cao Hoa Kỳ đã công nhận quyền hưởng dụng của tộc người Ojibwe. Tòa án tuyên rằng những quyền hưởng dụng của người Chippewa trong việc săn bắn, đánh cá và thu hoạch lúa hoang trên đất, hồ và sông trong vùng nhượng địa cho chính quyền Liên bang

7 *Minnesota v. Mille Lacs Band of Chippewa Indians*, 526 U.S. 172 (1999).

8 *Mille Lacs Band of Chippewa Indians v. Minnesota*, 861 F.Supp. 784 (D. Minn. 1994).

9 Điều đáng chú ý trong vụ việc này đó chính là các bên trong vụ việc đã mời những chuyên gia có liên quan làm chứng cho vụ việc của mình như (i) chuyên gia về nhân chủng học và nhà sử học dân tộc để làm rõ các vấn đề về kinh tế của người Chippewa, cũng như việc người Chippewa sử dụng tài nguyên thiên nhiên, việc săn bắt, đánh cá và hái lượm trong lịch sử; (ii) nhà sử học pháp lý chuyên về động vật hoang dã của Hoa Kỳ - người làm chứng về quyền của động vật trong việc săn bắn, đánh cá cũng như nội hàm ý nghĩa các hiệp định có liên quan; (iii) nhà nhân chủng học - dân tộc học chuyên ngành về lịch sử và văn hóa của người Chippewa - người làm chứng cho lịch sử dân tộc học của nhóm người này cũng như sự bảo lưu các vấn đề nói trên trong các hiệp ước được ký kết vào thời gian này; (iv) nhà ngôn ngữ học chuyên về ngôn ngữ của người Chippewa - người làm chứng về cách các giai đoạn quan trọng được ghi nhận trong các hiệp ước được ký kết vào năm 1837 và 1855 được dịch sang tiếng của người Chippewa; (v) nhà sử học chuyên nghiên cứu về lịch sử dân tộc của người da đỏ ở vùng Đại Hồ - làm chứng về các cuộc đàm phán cho Hiệp ước năm 1855; (vi) nhà sử học và nhân chủng học chuyên nghiên cứu về lịch sử quan hệ giữa người da đỏ và người không phải da đỏ ở khu vực Tây Bắc Cổ (*Old Northwest*) - làm chứng cho sắc lệnh hành pháp năm 1850 và việc đình chỉ của sắc lệnh này sau đó. Chính quyền bang Minnesota cũng đã triệu tập (i) nhà sử học - người làm chứng về các Hiệp ước 1837 và 1855 và Sắc lệnh hành pháp 1850; (ii) nhà sử học chuyên nghiên cứu về lịch sử Minnesota - người làm chứng về sự định cư và phát triển của Minnesota từ năm 1819 đến năm 1860; và (iii) nhà nhân chủng học - người làm chứng về văn hóa Chippewa và những diễn biến lịch sử vào thời điểm ký kết Hiệp ước 1855. Xem *Mille Lacs Band of Chippewa Indians v. Minnesota*, 861 F.Supp. 784 (D. Minn. 1994).

theo Hiệp ước năm 1837 vẫn có hiệu lực. Chính quyền bang Minnesota do đó không được áp dụng và thực thi các luật và quy định nhằm ngăn cấm người da đỏ thực hiện các quyền hưởng dụng của mình.¹⁰

Về mặt pháp lý, có thể thấy việc ghi nhận quyền hưởng dụng của người da đỏ ở Hoa Kỳ được ghi nhận từ năm 1837. Đến nay, những quyền này vẫn được Tòa án tối cao công nhận cũng như thực thi. Quyền hưởng dụng được quy định trong hiệp định này và một số các hiệp định tương tự là quyền tài sản (*property rights*) được công nhận cho những người da đỏ.¹¹ Trên cơ sở đó, người da đỏ có quyền tiếp tục đánh bắt cá, săn bắn, thu hoạch lúa hoang ở những khu vực thuộc vùng nhượng địa. Quyền tài sản nêu trên không bị xem là mâu thuẫn với quyền sở hữu đất đai của Nhà nước, cũng như không thể bị bãi bỏ nếu không được bồi thường một cách hợp lý bằng các hiệp định được dàn xếp sau này, hoặc bởi các luật khác của Nhà nước.¹² Tuy vậy, quyền này có thể bị hạn chế trong một khoảng thời gian nhất định vì lý do an toàn công cộng (*public safety*). Tiêu biểu, trong vụ việc liên quan đến quyền săn bắn của người da đỏ tại bang Wisconsin do Tòa án tối cao giải quyết,¹³ chính quyền bang Wisconsin ban hành các đạo luật chỉ cho phép săn bắn trong một khoảng thời gian nhất định vào mùa hè nhằm bảo tồn và phát triển một số loại động vật. Bên cạnh đó, quyền hưởng dụng cũng chỉ được áp dụng đối với những vùng đất công. Nguyên đơn (những người da đỏ) không được thực hiện quyền hưởng dụng trong việc săn bắn hoặc đặt bẫy trên đất thuộc sở hữu tư nhân và đất này không được đăng ký là đất trồng rừng hoặc các chương trình đất rừng theo quy định của bang Wisconsin. Chính vì vậy, những người da đỏ phải tuân theo các quy định của bang về săn bắt, đặt bẫy khi tiến hành các hoạt động này trên đất tư nhân.¹⁴

Nhìn chung, có thể thấy pháp luật Hoa Kỳ công nhận quyền hưởng dụng của người da đỏ đối với những vùng đất trước đây là vùng nhượng địa, nhằm đảm bảo các thỏa thuận trước đây của chính quyền Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, việc tiếp tục thừa nhận quyền hưởng dụng của những người da đỏ cũng chính là sự ghi nhận “không gian sinh tồn” của những người này. Đây có thể xem là một trong những cách thức hữu hiệu giúp những người da đỏ duy trì và phát huy được truyền thống, tập quán của dân tộc mình.

10 *Mille Lacs Band of Chippewa Indians v. Minnesota*, 861 F.Supp. 784 (D. Minn. 1994).

11 Có khoảng 374 hiệp ước được phê chuẩn và 16 thỏa thuận được ký kết giữa chính quyền Hoa Kỳ và người bản địa. Xem Donald L. Fixico, “Treaties with American Indians”, Vol. 1, 2007, tr. xxi.

12 Michael R. Newhouse, “Recognizing and preserving native American treaty usufructs in the Supreme court: the Mille Lacs case”, 21 *Pub. Pub.Land & Resources L. Rev.* 169, 2000.

13 *Lac Courte Orielles Band of Lake Superior Indians v. Wisconsin*, 740 F. Supp., (W.D. Wis. 1990).

14 *Lac Courte Orielles Band of Lake Superior Indians v. Wisconsin*, 740 F. Supp., (W.D. Wis. 1990, đoạn 1426.

2. Quyền hưởng dụng của tộc người Sámi - Phần Lan

Người Sámi là một tộc người sinh sống ở khu vực phía Bắc của các nước Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan và bán đảo Kola (Nga). Những người Sámi tuy sinh sống ở khu vực biên giới của bốn nước nói trên, nhưng họ liên kết với nhau bằng văn hóa, ngôn ngữ và những danh tính chung.¹⁵ Những người Sámi sinh sống dựa vào thiên nhiên, chủ yếu chăn thả tuần lộc, săn bắn và đánh cá từ xưa đến nay.¹⁶ Các nước Phần Lan, Thụy Điển, Na Uy ghi nhận quyền hưởng dụng của người Sámi,¹⁷ cụ thể là quyền đối với đất, nước, và các nguồn tài nguyên thiên nhiên.¹⁸ Quyền chăn thả tuần lộc, quyền săn bắn và quyền đánh bắt cá là các quyền dân sự tại Phần Lan, Thụy Điển và Na Uy.¹⁹

Tại Phần Lan, gần đây nhất, quyết định của Tòa án tối cao ghi nhận quyền đánh bắt cá của người thuộc dân tộc Sámi vào năm 2022 là một trong những bản án khẳng định việc săn bắn, đánh bắt cá, khai thác tài nguyên thiên nhiên, hái lượm sản vật tự nhiên là việc thực hiện quyền hưởng dụng của người Sámi.²⁰ Trước đó, trong bản án số R2019/424, A (người Sámi) đánh bắt cá hồi bằng lưới ở khu vực sông Utsjoki vào khoảng thời gian cấm đánh bắt cá hồi ở các khu vực phụ lưu sông Tenojoki theo Nghị định số 297/2017 quy định chi tiết Điều 52 của Đạo luật Đánh bắt cá (*Fishing Act*), theo đó đối với những khu vực cá hồi quay về sinh sản ít, hoặc đang trong tình trạng suy giảm về số lượng, hoặc những khu vực cá đang sinh sản, Chính phủ có thể ban hành nghị định để cấm đánh bắt cá ở những khu vực này trong một khoảng thời gian nhất định.²¹ Khi bị truy

15 UN Special Rapporteur James Anaya, *The situation of the Sami peoples in the Sápmi region of Norway, Sweden and Finland*, A/HRC/18/XX/Add.Y, 2011, p. 46–52.

16 Jo Ann Conrad, “Sami Reindeer-herders today: Image or reality”, *Scandinavian Review*, 2000; John T. Solbakk, “Reindeer husbandry- an exclusive Sámi livelihood in Norway”, https://web.archive.org/web/20070927172745/http://www.galdu.org/govat/doc/eng_reindeer.pdf, truy cập ngày 6/6/2023; UN Special Rapporteur James Anaya, *The situation of the Sami peoples in the Sápmi region of Norway, Sweden and Finland*, A/HRC/18/XX/Add.Y, 2011, tr. 46–52.

17 Christina Allard, “The Nordic countries’ law on Sámi”, *Arctic Review on Law and Politics*, Vol. 2, No. 2, 2011, tr. 159–183.

18 UN Special Rapporteur James Anaya, *tlđđ*.

19 Christina Allard, *tlđđ*, tr. 165, 166.

20 Aune Rummukainen, “Usufructs in the Finnish Juridical System”, tr. 4, https://www.fig.net/resources/proceedings/fig_proceedings/fig2011/papers/ts05h/ts05h_rummukainen_4828.pdf, truy cập ngày 6/6/2023.

21 Các khu vực phụ lưu sông Tenojoki đã bị giới hạn đánh bắt theo Nghị định số 297/2017 được ban hành năm 2017 trên cơ sở Đạo luật Đánh bắt cá. Điều 9 của Nghị định này quy định về đánh bắt cá bằng lưới, theo đó việc đánh bắt cá hồi bằng lưới chỉ được phép thực hiện trong thời gian từ 1/6 - 31/7 từ 7h tối thứ hai đến 7h tối thứ năm các tuần trong thời gian đó. Nghị định số 359/2021 ban hành sau đó cho rằng do số lượng cá bị suy giảm, để tăng lượng cá ở tự nhiên trong khoảng thời gian từ 1/5 - 31/12/2021, việc đánh bắt trong khu vực cá hồi đẻ trứng ở hệ thống sông Tenojoki đã hoàn toàn bị cấm. Việc xem xét số lượng cá tăng hay giảm ở các con sông, kể cả sông Tenojoki được thực hiện bởi Viện Tài nguyên thiên nhiên (*National Resources Institute*). Các số liệu này được Tòa tối cao sử dụng trong việc xem xét cân nhắc quyền của người Sámi và đảm bảo sự phát triển bền vững của thiên nhiên.

tố, A thừa nhận đã có hành vi đánh bắt cá nhưng cho rằng mình không vi phạm các quy định về đánh bắt cá. Tòa án địa phương sau đó đã bác bỏ cáo buộc đối với A. Tòa án tối cao đã xem xét việc áp dụng Nghị định số 297/2017 về hạn chế đánh cá bằng lưới có phù hợp với Hiến pháp Phần Lan và các hiệp định quốc tế về nhân quyền hay không.²² Tòa án tối cao đánh giá rằng Điều 17 Hiến pháp hiện hành ghi nhận người Sámi là người bản địa ở khu vực này, có quyền được gìn giữ và phát triển ngôn ngữ cũng như văn hóa của mình. Những quyền này của người Sámi được quy định tại Điều 14.3 Hiến pháp năm 1919, trải qua những lần sửa đổi bổ sung Luật Hiến pháp, bên cạnh quyền chặn thả tuần lộc, thì quyền đánh bắt cá hồi ở sông Tenojoki là một phần không thể thiếu trong văn hóa của người Sámi.²³

Ngoài ra, Tòa tối cao Phần Lan sau khi xem xét cân nhắc các quy định, số liệu thực tế cũng như những yếu tố liên quan đến truyền thống đánh bắt cá của người Sámi thì cho rằng việc cấm đánh cá trong giai đoạn tháng 8 hàng năm theo quy định tại Điều 9 Nghị định 297/2017 là không phù hợp với quyền cơ bản về văn hóa của người Sámi, cụ thể theo quy định tại Điều 17.3 Luật Hiến pháp hiện hành.²⁴ Do đó, phán quyết của Tòa địa phương được giữ nguyên. Điều quan trọng trong bản án nói trên là Tòa tối cao Phần Lan đã lưu ý rằng quyền cơ bản về văn hóa (trong trường hợp này là quyền đánh bắt cá) của người Sámi được xem như là một bộ phận của quyền tài sản, trên cơ sở tham chiếu các ý kiến do Ủy ban Luật Hiến pháp (*Constitutional Law Committee*) đưa ra.²⁵ Lập luận này là hợp lý, bởi lẽ quyền đánh bắt cá là một thành tố của quyền hưởng dụng cộng đồng, và quyền hưởng dụng về mặt bản chất là một quyền tài sản được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ngoài ra, bản án số R2019/425 cũng có cách tiếp cận tương tự. Bốn người tên A, B, C và D bị cáo buộc là đã có hành vi câu cá trái phép trên khu vực sông do Cơ quan quản lý đất và nước của Nhà nước (*Metsähallitus*) quản lý vào ngày 29/7/2017. Theo quy định, khi một người muốn câu cá ở khu vực sông do Metsähallitus quản lý thì phải mua vé với giá 30€/

22 Theo quy định tại Điều 118 Đạo luật Đánh bắt cá, đánh bắt cá trong khu vực cấm hoặc hạn chế bị xem là vi phạm và người vi phạm phải gánh chịu chế tài.

23 Ý kiến của Hội đồng trong việc phê chuẩn Hiệp ước Đánh bắt cá ở sông Tenojoki 5/2017 (Opinion of the Committee on the ratification of the Tenojoki Fishing Treaty, 5/2017).

24 Bên cạnh việc áp dụng các quy định pháp luật quốc gia, Tòa tối cao Phần Lan cũng xem xét các hiệp định giữa Phần Lan và Na Uy về đánh bắt cá trên hệ thống sông Tenojoki (Hiệp ước Đánh bắt cá trên sông Tenojoki). Điều 3(1) của Hiệp ước này liên quan đến việc bảo tồn các khu vực cá sinh sản nhằm bảo vệ nguồn cá và thúc đẩy việc đánh bắt cá bền vững.

25 KKO:2022:25, "Fishing restriction imposed on the Sámi indigenous people and its relationship to their fundamental rights (fishing offence)", https://korkeinoikeus.fi/en/index/enna-kkopaatokset/shortsummariesofselectedprecedentsinenglish/2022_1/kko202225.html, truy cập ngày 16/6/2023.

ngày.²⁶ Các bị cáo thừa nhận có câu cá ở khu vực sông nói trên nhưng cho rằng mình không vi phạm quy định về đánh bắt cá. Tòa địa phương sau đó đã bác bỏ cáo buộc này.

Tòa án tối cao Phần Lan xem xét vụ việc nhằm xác định rằng các bị cáo có vi phạm quy định về câu cá hay không, và cân nhắc quyền của những người này với tư cách họ là những người Sámi. Tòa tối cao cho rằng, việc Metsähallitus đặt ra mức giá 30€/ngày với số lượng giấy phép có hạn nhằm đảm bảo sự phát triển nguồn cá, và phù hợp với quy định tại Điều 10.2 của Đạo luật Đánh bắt cá. Mặc dù vậy, khi Metsähallitus đặt ra mức giá và giấy phép câu cá thì đã hạn chế quyền đánh bắt cá vốn là một trong những quyền cơ bản của người Sámi. Chính vì vậy, Tòa án tối cao Phần Lan đã từ chối áp dụng giấy phép câu cá dành cho người Sámi và giữ nguyên phán quyết của Tòa địa phương.²⁷

Nhìn chung, theo quy định của pháp luật Phần Lan, quyền của người Sámi đối với những hoạt động săn bắn, chăn thả tuần lộc hay đánh bắt cá là những quyền hưởng dụng được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quyền hưởng dụng các quyền nói trên của người Sámi áp dụng đối với cả đất, nguồn nước thuộc Nhà nước lẫn tư nhân.²⁸ Quyền hưởng dụng này áp dụng đối với những người Sámi sinh sống trong khu vực của mình.²⁹ Cũng cần nói thêm rằng, quyền hưởng dụng là quyền dân sự được bảo vệ bởi Hiến pháp khi quyền này bị xâm phạm. Do vậy, việc Tòa án tối cao Phần Lan đánh giá vụ việc trên cơ sở Hiến pháp là phù hợp. Bên cạnh đó, Tòa còn dựa trên cơ sở pháp luật quốc tế như hiệp định với các nước lân cận về đánh bắt cá, trên cơ sở văn hóa truyền thống, tập quán của người Sámi để có thể đánh giá một cách toàn diện quyền hưởng dụng của người bản địa.

3. Quyền hưởng dụng của tộc người Sámi – Na Uy

Người Sámi cũng là người dân tộc bản địa ở Na Uy.³⁰ Quyền hưởng dụng của người Sámi thông qua các hoạt động như săn bắn, chăn thả tuần lộc, đánh bắt cá cũng được pháp luật Na Uy ghi nhận. Cụ thể, vào tháng 10/2021, Tòa tối cao Na Uy đã đưa ra phán quyết nhằm bảo vệ quyền chăn thả tuần lộc của người Sámi. Trong vụ việc này, vào năm 2010, Tổng cục năng lượng và Tài nguyên nước Na Uy (cơ quan thuộc Bộ Dầu mỏ và Năng lượng Na Uy) đã cấp phép cho một công ty thuộc sở hữu

26 Người nào vi phạm quy định nêu trên sẽ bị xem là vi phạm Điều 10 chương 28 Bộ luật Hình sự, và sẽ bị phạt tương ứng.

27 KKO: 2022:26, *tlđđ*.

28 Điều 3 Đạo luật Chăn thả tuần lộc 1990; Veli-Pekka Lehtola, “Contested Indigenous Sámi Right and Public Dispute- How the ILO Convention No.169 became rejected in Finland”, tr. 114, <https://junka-aikio.net/wp-content/uploads/2019/08/Lehtola-2015-S%C3%A1miDebate-1.pdf>, truy cập ngày 30/6/2023

29 Veli-Pekka Lehtola, *tlđđ*, tr. 30.

30 UN Special Rapporteur James Anaya, *tlđđ*.

nhà nước để xây dựng khoảng 151 tuabin gió trên diện tích đất khoảng 450km vuông ở bán đảo Fosen – khu vực người Sámi chăn thả tuần lộc suốt hàng trăm năm. Những người Sámi ở khu vực này đã khởi kiện, cho rằng việc xây dựng các tuabin gió sẽ cản trở hoạt động chăn thả tuần lộc truyền thống của họ.

Tòa án tối cao Na Uy xem xét liệu việc cấp phép xây dựng các tuabin gió ở bán đảo Fosen có hợp pháp hay không. Đầu tiên, Tòa án đã xác định rằng việc chăn thả tuần lộc là biểu hiện văn hóa (*cultural expression*) và là ngành kinh tế truyền thống (*traditional economy*) của người Sámi ở Na Uy. Tòa án cũng chỉ ra rằng, theo pháp luật Na Uy và quốc tế, việc bảo vệ các quyền văn hóa của người bản địa là tuyệt đối. Tòa đặc biệt lưu ý rằng các quyền chính trị và dân sự của một nhóm dân bản địa sẽ bị hạn chế để bảo vệ lợi ích công cộng của nhóm đa số. Do vậy, Tòa cho rằng mục đích xây dựng các tuabin gió nhằm hỗ trợ các mục tiêu môi trường của Na Uy với năng lượng xanh hơn (*greener energy*) không liên quan đến việc xem xét kế hoạch lắp đặt các tuabin gió có vi phạm quyền của người Sámi hay không. Thêm vào đó, Tòa án cũng cho rằng việc bảo vệ môi trường và bảo vệ quyền của người Sámi không loại trừ nhau, bởi có những khu vực có thể lắp đặt tuabin gió mà không xâm phạm quyền của người Sámi. Chính vì vậy, Tòa án đã phán quyết rằng việc cấp phép xây tuabin gió của Tổng cục năng lượng và Tài nguyên nước Na Uy đã vi phạm các quyền của người Sámi, và việc cấp phép xây dựng tuabin gió chỉ có hiệu lực khi các tuabin gió không ngăn cản tộc người bản địa thực hiện các quyền biểu hiện văn hóa, bao gồm chăn thả tuần lộc. Từ đó, Tòa án kết luận giấy phép xây dựng vô hiệu và các tuabin gió phải bị di dời.³¹

Tóm lại, theo pháp luật Na Uy, quyền hưởng dụng của người dân tộc thiểu số Sámi cũng được ghi nhận và bảo vệ bởi Nhà nước.³² Trong khi đó, quyền chăn thả tuần lộc là quyền hưởng dụng được thực hiện ngay cả đối với những vùng đất không thuộc quyền sở hữu của người Sámi.³³ Điều này có nghĩa là người Sámi có thể chăn thả tuần lộc, săn bắn hoặc đánh cá theo cách thức truyền thống từ trước đến nay đối với những vùng đất nhất định.³⁴ Việc bảo vệ quyền hưởng dụng của cộng đồng người Sámi được đặt trong mối liên hệ với các lợi ích khác nhằm tìm ra sự hài hòa trong các mục tiêu phát triển của Na Uy.

31 Elin Hofverberg, “Supreme Court Rules Windmill Park in Sami Area Violates Indigenous Rights”, <https://www.loc.gov/item/global-legal-monitor/2021-10-25/norway-supreme-court-rules-windmill-park-in-sami-area-violates-indigenous-rights/>, truy cập ngày 30/6/2023.

32 John B. Henriksen, “Research on best practices for implementation of the principles of ILO Convention No. 169”, *The Finnmark Act (Norway), A case study*, 2008, tr. 5.

33 Christina Allard, *ltd*, tr. 161.

34 John B. Henriksen, *ltd*, 2008, tr. 85.

4. Quyền hưởng dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 257 của BLDS năm 2015 quy định “quyền hưởng dụng là quyền của chủ thể khác được khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác trong một thời gian nhất định.” Từ định nghĩa này, so với quy định về quyền hưởng dụng ở Hoa Kỳ, Phần Lan và Na Uy, có thể thấy quyền hưởng dụng theo quy định BLDS năm 2015 có nhiều điểm tương đồng và khác biệt. Cụ thể, sự tương đồng lớn nhất xuất phát từ tính chất của quyền hưởng dụng. Theo đó, người hưởng dụng theo pháp luật của các nước đều không phải là chủ sở hữu đối với tài sản hưởng dụng. Ngoài ra, theo pháp luật các nước, quyền hưởng dụng được chia thành hai nhánh cụ thể, bao gồm quy định chung và quy định riêng cho một tộc người. Quy định chung về quyền hưởng dụng được áp dụng cho các cá nhân, tổ chức dường như không có nhiều khác biệt giữa pháp luật các nước (ví dụ như quy định về quyền hưởng dụng của cá nhân ở Phần Lan được ghi nhận tại Bộ luật Thừa kế³⁵ và Bộ luật Bất động sản³⁶) và BLDS năm 2015 của Việt Nam. Tuy nhiên, khi xem xét quyền hưởng dụng áp dụng cho một cộng đồng hay tộc người và quyền hưởng dụng theo BLDS năm 2015, có thể thấy sự khác biệt được thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất là về thời hạn hưởng dụng. Theo quy định tại Điều 260 BLDS năm 2015, quyền hưởng dụng có thời hạn xác định trên cơ sở thỏa thuận của các bên. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được, quy định yêu cầu áp dụng thời hạn theo luật định nhưng tối đa đến hết cuộc đời của người hưởng dụng đầu tiên, hoặc đến khi pháp nhân tồn tại, nhưng tối đa 30 năm nếu người hưởng dụng đầu tiên là pháp nhân. Ngược lại, theo pháp luật của Hoa Kỳ, Na Uy và Phần Lan, quyền hưởng dụng đối với các tộc người không đặt ra thời hạn hưởng dụng cụ thể, chẳng hạn như quyền hưởng dụng của tộc người Ojibwe bắt đầu từ Hiệp ước St. Peters năm 1837 và kéo dài đến nay.

Thứ hai, về người hưởng dụng, Điều 260 BLDS năm 2015 quy định chỉ bao gồm cá nhân và pháp nhân. Ngoài các chủ thể này, không còn chủ thể nào khác có thể được hưởng quyền hưởng dụng. Trong khi đó, như đã phân tích ở trên, người hưởng dụng theo pháp luật Hoa Kỳ, Phần Lan, Na Uy còn có thể là một cộng đồng dân tộc thiểu số nhất định có gắn kết về mặt lịch sử, địa lý, có hoạt động truyền thống (săn bắt, đánh cá). Quyền hưởng dụng cộng đồng không cho phép những người không thuộc cộng đồng đó khai thác, hưởng công dụng, hoa lợi, lợi tức từ tài sản hưởng dụng. Nói cách khác, quyền hưởng dụng cộng đồng này không

35 Khoản 1, 2 Điều 3, Chương 3, Bộ luật Thừa kế Phần Lan.

36 Điều 5, 6 chương 12 và 1,2 chương 14 Bộ luật Bất động sản Phần Lan.

thể được chuyển giao cho người ngoài cộng đồng. Chẳng hạn như người Sámi ở Phần Lan không bị hạn chế quyền đánh bắt cá, trong khi đó, đối với người không phải là người Sámi thì việc đánh bắt cá ở những nơi nhất định phải mua vé (trả phí) hoặc bị hạn chế đánh bắt trong một thời gian nhất định theo quy định của Đạo luật Đánh bắt cá.

Thứ ba, về tài sản hưởng dụng, theo quy định tại Điều 257 của BLDS năm 2015, tài sản hưởng dụng là tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác, có thể là động sản hoặc bất động sản. Người hưởng dụng trong thời hạn hưởng dụng có thể hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản đó. Tuy nhiên, tài sản hưởng dụng trong trường hợp hưởng dụng cộng đồng ở các quốc gia nêu trên là bất động sản thuộc sở hữu nhà nước hoặc tư nhân như rừng, núi, sông, hồ.

Từ những phân tích trên, câu hỏi đặt ra là liệu Việt Nam có nên mở rộng các quy định về quyền hưởng dụng trong BLDS năm 2015 theo hướng công nhận quyền hưởng dụng của một cộng đồng dân tộc thiểu số, tương tự như cách tiếp cận của Hoa Kỳ, Phần Lan và Na Uy, hay không? Về mặt xã hội, Việt Nam bao gồm 54 dân tộc, trong số đó người Kinh chiếm đa số với hơn 85,3%.³⁷ Địa bàn sinh sống chủ yếu của người dân tộc thiểu số là vùng trung du, miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.³⁸ Xuất phát từ thực tiễn khách quan là văn hóa, phong tục tập quán của tộc người thiểu số mang những nét đặc thù, nếu áp dụng quy định với cách tiếp cận đơn nhất cho tất cả đối tượng điều chỉnh thì sẽ triệt tiêu bản sắc văn hóa của người dân bản địa. Vì vậy, để có thể giải quyết một cách thỏa đáng và bảo tồn được các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu số, chính sách pháp luật nói chung cũng như pháp luật dân sự nói riêng cần phải có cách tiếp cận tôn trọng những thói quen sống và sinh hoạt của họ và đảm bảo đồng bộ với các nguyên tắc về quản lý, sử dụng đất.

Về mặt pháp lý, tác giả nhận thấy các quy định của BLDS năm 2015 tại thời điểm này vẫn chưa thể đáp ứng yêu cầu thực tiễn để được sử dụng như công cụ pháp lý ghi nhận quyền hưởng dụng của một cộng đồng hoặc sắc tộc người bản địa ở Việt Nam. Các quy định hiện nay của BLDS năm 2015 chỉ đang dừng lại ở việc ghi nhận quyền sở hữu chung của cộng đồng tại Điều 211. Theo đó, sở hữu chung của cộng đồng là sở hữu của dòng họ, thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc, cộng đồng tôn giáo và cộng đồng dân cư khác đối với tài sản được hình thành theo tập quán, tài sản do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyên góp, được tặng cho chung hoặc từ các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm thỏa mãn lợi ích chung hợp pháp của cộng đồng.³⁹ Trong khi đó, quyền hưởng dụng

37 Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*.

38 Như trên.

39 Khoản 1, Điều 211 BLDS năm 2015.

của cộng đồng như đã phân tích ở trên có sự độc lập với quy định về quyền sở hữu chung của cộng đồng theo Điều 211 của BLDS năm 2015. Vì thế, những quyền săn bắt, đánh cá vốn dĩ là hoạt động truyền thống đặc thù của những nhóm dân tộc thiểu số chưa được ghi nhận một cách cụ thể trong các quy định hiện nay trong BLDS năm 2015. Nếu tham khảo cách tiếp cận của pháp luật nước ngoài ghi nhận quyền hưởng dụng của cộng đồng, nhà lập pháp cần phải giải quyết được các vấn đề về thời hạn hưởng dụng, người hưởng dụng và tài sản hưởng dụng. Đồng thời, các cơ chế thực thi quyền, bảo vệ quyền hưởng dụng của cộng đồng cũng phải được dự liệu. Bên cạnh đó, các quy định có liên quan như quy định về đánh bắt cá, quy định săn bắn trong các luật có liên quan cũng cần được điều chỉnh tương ứng và cần phải có lộ trình nhất định để thực thi. Trước tiên, Việt Nam có thể xem xét và ghi nhận quyền này thông qua án lệ như cách thức thực hiện ở Phần Lan và Na Uy. Trên cơ sở đó, “không gian sinh tồn” của những cộng đồng người thiểu số sẽ được bảo tồn, đảm bảo sự phát triển hài hòa của các dân tộc trên toàn lãnh thổ Việt Nam. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] *Minnesota v. Mille Lacs Band of Chippewa Indians*, 526 U.S. 172 (1999)
- [2] *Mille Lacs Band of Chippewa Indians v. Minnesota*, 861 F.Supp. 784 (D. Minn. 1994)
- [3] *Lac Courte Orielles Band of Lake Superior Indians v. Wisconsin*, 740 F. Supp., (W.D. Wis. 1990).
- [4] Christina Allard, “The Nordic countries’ law on Sámi”, *Arctic Review on Law and Politics*, Vol. 2, No. 2, 2011
- [5] Jo Ann Conrad, “Sami Reindeer-herders today: Image or reality”, *Scandinavian Review*, 2000
- [6] Donald L. Fixico, “Treaties with American Indians”, Vol. 1, 2007
- [7] John B. Henriksen, “Research on best practices for implementation of the principles of ILO Convention No. 169”, *The Finnmark Act (Norway), A case study*, 2008
- [8] Veli-Pekka Lehtola, “Contested Indigenous Sámi Right and Public Dispute- How the ILO Convention No.169 became rejected in Finland”, <https://junka-aikio.net/wp-content/uploads/2019/08/Lehtola-2015-S%C3%A1miDebate-1.pdf>, accessed on 30/6/2023
- [9] Carrie A. Lyford, *The Crafts of the Ojibwa*, Chippewa, 1942
- [10] Michael R. Newhouse, “Recognizing and preserving native American treaty usufructs in the Supreme court: the Mille Lacs case”, *21 Pub. Pub.Land & Resources L. Rev.*, 169, 2000
- [11] Joshua L. Reid, “Replacing Rights with Indigenous Relationality to Reclaim Homelands”, In *Bridging Cultural Concepts of Nature: Indigenous People and Protected Spaces of Nature*, Rani-Henrik Andersson (cb), Boyd Cothran and Saara Kekki
- [12] Aune Rummukainen, “Usufructs in the Finnish Juridical System”, https://www.fig.net/resources/proceedings/fig_proceedings/fig2011/papers/ts05h/ts05h_rummukainen_4828.pdf, accessed on 6/6/2023
- [13] Steven Silvern, “Reordering the Geography of Indian Country: Historical Geographies of Removal, Reservations and Ammisation” trong Craig E. Colten và Geoffrey L. Buckley (cb), *North American Odyssey Historical Geographies for the Twenty-first Century*, 2013
- [14] John T. Solbakk, “Reindeer husbandry- an exclusive Sámi livelihood in Norway”, https://web.archive.org/web/20070927172745/http://www.galdu.org/govot/doc/eng_reindeer.pdf, accessed on 6/6/2023
- [15] Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019* [trans: General Statistics Office, *Press release on results of the 2019 population and housing census*]
- [16] UN Special Rapporteur James Anaya, *The situation of the Sami peoples in the Sápmi region of Norway, Sweden and Finland*, A/HRC/18/XX/Add.Y, 2011